

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST

Ngày: 14/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và bà Trần Thị Luận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trương Tiến D, sinh ngày: 31/3/2002; Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Văn X1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

Đều trú tại: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Đều có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

* **Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bà Lê Thị X, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 337 đường T1, khu L1, TT N, huyện N, tỉnh Hải Dương.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Tiến D và gia đình anh Trương Văn Đ, sinh năm 1991 ở thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương có mối quan hệ họ hàng. Khoảng 17 giờ 23/10/2020, D đang ở nhà thì nhìn thấy nhà anh Đ không có người, cửa nhà mở nên nảy sinh ý định vào nhà anh Đ để trộm cắp tài sản. D đi ra sau vườn nhà mình đoạn bờ tường (được xây bằng gạch chỉ, cao 1,9 mét), bám vào tường nhảy xuống sân nhà anh Đ rồi đi vào nhà qua lối cửa lách, lên tầng 2 vào phòng ngủ của vợ chồng anh Đ ở phía bên trái hướng cầu thang lên. D quan sát thấy trong phòng có bàn trang điểm (loại bàn gỗ, phía trên có gương, có 01 ngăn kéo tủ và một ngăn tủ có cánh đã khóa) nên dùng lực hai tay cầm vào tay nắm của ngăn tủ có cánh đã khóa, kéo mạnh sang một bên thì cánh tủ mở ra. Khi mở được cánh tủ, D phát hiện thấy trong có 01 Album ảnh và 01 chiếc túi nilon màu vàng, D mở chiếc túi thấy bên trong có 01 hộp điện thoại Oppo màu trắng. D mở chiếc hộp điện thoại trên thấy bên trong có số tiền 1.500.000 đồng (gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng) và 01 hộp màu đỏ bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng loại 9999, D lấy số tiền trên và chiếc hộp bên trong có sợi dây chuyền cất vào túi quần, đóng cánh tủ lại như ban đầu rồi đi theo lối cũ về nhà mình. D đem sợi dây chuyền đến cửa hàng vàng bạc T2 ở số 337 đường T1, khu L, thị trấn N, huyện N bán sợi dây chuyền cho bà Lê Thị X được số tiền 26.500.000 đồng (sợi dây chuyền sau đó bà X đã nấu lên và giao dịch nên không quản lý được). Trên đường về nhà, đến đoạn cầu Giao thuộc thị trấn N, huyện N D rút chiếc hộp nhựa đựng sợi dây chuyền xuống sông; vào nhà anh Phạm Văn L2, sinh năm 1987 ở khu Đ1, thị trấn N, huyện N trả anh L2 số tiền 5.500.000 đồng vay trước đó. Sau đó, D mua 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh ngọc ở thành phố H (không nhớ tên cửa hàng, địa chỉ cụ thể) hết số tiền 15.500.000 đồng và chi tiêu cá nhân còn lại số tiền 3.689.000 đồng. Ngày 28/10/2020, Trương Tiến D tự nguyện giao nộp cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh ngọc và số tiền 3.689.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 25 ngày 09/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự– UBND huyện N kết luận: Giá trị 05 chỉ vàng loại 9999 tài sản tại thời điểm ngày 23/10/2020 là 26.500.000 đồng

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKS-NS ngày 25/11/2020, Viện kiểm sát nhân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Trương Tiến D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và đề nghị được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Tiến D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 16 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 23/10/2020, tại nhà anh Trương Văn Đ, sinh năm 1991 ở thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương, Trương Tiến D có hành vi lén lút vào phòng ngủ của vợ chồng anh Đ chiếm đoạt của vợ chồng anh Đ số tiền 1.500.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 05 chỉ trị giá 26.500.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 28.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi bị phát hiện bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo lại có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba và Bộ trưởng bộ Quốc phòng tặng thưởng Bằng khen nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Lợi dụng sơ hở của bị hại không có nhà, cửa nhà mở không khóa mới nảy sinh mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo tuổi còn trẻ, khi phạm tội bị cáo mới qua 18 tuổi nên suy nghĩ còn bông bột. Giữa bị cáo và bị hại có quan hệ anh em con chú con bác ruột. Ngay sau khi bị phát hiện bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và tác động đến mẹ để bồi thường ngay cho bị hại. Đến nay, bị hại xác định bồi thường xong, không còn yêu cầu gì về dân sự và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo lại được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng

án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại **khoản 5 Điều 173** Bộ luật hình sự bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Trương Văn Đ và chị Nguyễn Thị H đã nhận tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị B mẹ đẻ của bị cáo xác định số tiền 29.000.000đ để bị cáo bồi thường cho anh Đ, chị H là tiền riêng của bà do bà vay của người quen, bà tuyên bố cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 28/10/2020, Trương Tiến D tự nguyện giao nộp cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N 01 điện thoại Iphone 11 Pro màu xanh ngọc và số tiền 3.689.000đ. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại và số tiền 3.689.000đ là của bị cáo nên ngày 09/11/2020 Cơ quan công an đã trả lại cho bị cáo là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Bà Lê Thị X là người mua sợi dây chuyền vàng của bị cáo; anh Phạm Văn L2 được bị cáo trả số tiền 5.500.000đ nhưng bà X, anh L2 đều không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Tiến D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trương Tiến D 16 (mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (ba mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã A, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Điệp

